

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2017/HSPT

Ngày: 27-9-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Tôn Văn Thông

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/HSPT ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Đặng Trường T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Đặng Trường T**, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp H, xã R, huyện M, tỉnh Bến Tre; số chứng minh nhân dân: xxxxxxxxxx; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Đặng Đình T2 (chết) và bà Hồ Thị T3; có vợ Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 17 giờ 10 phút ngày 20/10/2016, trên đường K, đoạn thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Bến Tre phát hiện Đặng Trường T đang điều khiển xe mô tô biển số 68xx-xxx.xx có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra và phát hiện T đang cất giữ chất ma túy nên thông báo cho Cơ quan điều tra - Công an thành phố B đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm: 01 túi nylon bên trong có 04 đoạn nhựa màu trắng có sọc vàng hàn kín hai đầu, bên trong đều có chứa chất màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ kí của Đặng Trường T, Nguyễn

Trường K, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Văn D và dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố B); 01 xe mô tô biển số 68xx-xxx.xx; 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 68xx-xxx.xx.

Tại cơ quan điều tra T khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 20/10/2016, T điều khiển xe mô tô biển số 68xx-xxx.xx đến khu vực vòng xoay P thuộc phường P, thành phố B gặp và nhờ người bạn tên V (không rõ lai lịch) mua ma túy giùm. V kêu T đến vòng xoay N thuộc Phường x, thành phố B gặp X (không rõ lai lịch) để mua ma túy. Do quen biết trước với X, T điều khiển xe mô tô biển số 68xx-xxx.xx đến khu vực gần vòng xoay Ngã Năm gặp và nhờ X mua giùm T 05 tép ma túy loại heroin với giá 500.000 đồng. Sau khi mua ma túy xong, T đến khu vực sân vận động Bến Tre thuộc phường L, thành phố B lấy 01 tép heroin ra sử dụng, 04 tép heroin còn lại T bỏ vào 01 túi nylon, để vào bao thuốc lá Jet kẹp trên бага xe mô tô rồi điều khiển xe trên đường K thì bị Cảnh sát giao thông phát hiện, T lấy bao thuốc lá Jet bên trong có chứa 04 tép heroin đưa cho lực lượng cảnh sát kiểm tra, sau đó bị Công an thành phố B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật như trên.

Tại kết luận giám định số 59/C54B ngày 03/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất màu trắng đựng trong 04 đoạn ống nhựa được hàn kín màu trắng sọc vàng được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,1927 gam, có heroin.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố bị cáo Đặng Trường T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Đặng Trường T 01 năm 06 tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/8/2017, bị cáo Đặng Trường T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: căn cứ khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm: xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã xác định và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm về điều kiện chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Song đề nghị xem xét cho bị cáo

được hưởng án treo tạo điều kiện để bị cáo lao động tìm kiếm thu nhập nuôi vợ đang bị bệnh hiểm nghèo và chăm sóc con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo để bị cáo chăm sóc vợ đang bị bệnh ung thư và nuôi con nhỏ không nơi nương tựa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Đặng Trường T đã cất giấu 0,1927 gam heroin để sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo bổ sung thêm giấy xác nhận gia cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi dưỡng chăm sóc vợ đang mắc hiểm nghèo và con nhỏ. Song qua xem xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tác hại rất lớn của tệ nạn ma túy đối với chính bản thân, gia đình của bị cáo và cộng đồng xã hội. Vì vậy, việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định như quyết định của bản án sơ thẩm là cần thiết nhằm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm ma túy đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, kháng cáo của bị cáo, ý kiến của người bào chữa và quan điểm của Kiểm sát viên là chưa đủ căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 Bộ luật

Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Đặng Trường T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Đặng Trường T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Công an thành phố B (1b);
- TAND thành phố B (3b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND xã R – huyện M (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Quang Sơn